

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/3/2021  
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hải Đăng

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Thanh Tiền

2/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mộng Nghi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 625/2020/TLST-HN ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc X**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp HT, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

**2/. Bị đơn: Anh Trương Thanh M**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp HT, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị X có đơn xin vắng mặt, anh M vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Ngọc X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Thanh M cưới nhau vào khoảng năm 2003. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến nay thì vợ chồng anh chị đã có 02 người con chung, nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Lúc đầu khi cưới nhau về thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị xảy ra nhiều quan điểm trái ngược nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp với nhau. Hiện tại mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng lúc càng trầm trọng, không thể hàn gắn lại được và anh chị đã ly thân cách đây từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị thấy cuộc sống chung giữa vợ chồng anh chị không thể hàn gắn lại được và chị cũng không còn tình cảm gì với chồng chị, nên chị X yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh Trương Thanh M.

Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con là Trương Thị Huỳnh D, sinh ngày 20/12/2003 và Trương Huỳnh Đức T, sinh ngày 06/5/2005. Từ lúc hai vợ chồng ly thân đến nay thì chị là người trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Khi ly hôn chị X không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Trương Thanh M: Mặc dù anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh M vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh M theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Trương Thanh M chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: chị X và anh M chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh M.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của hai người con của chị X và anh M. Giao cả hai người con Trương Thị Huỳnh D, sinh ngày 20/12/2003 và Trương Huỳnh Đức T, sinh ngày 06/5/2005 cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu, nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị X và anh M không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị X có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh M. Anh M có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị X có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị X.

Anh M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh M vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh M.

[2] Về nội dung vụ án: chị X và anh M chung sống với nhau vào khoảng năm 2003, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến nay anh chị đã có con chung nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị X có yêu cầu xin được ly hôn với anh M

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị X và anh M chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị X và anh M không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị X xin ly hôn với anh M thì Hội đồng xét xử không tuyên giải quyết cho chị X và anh M ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh M là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc chị X và anh M hai người con Trương Thị Huỳnh D, sinh ngày 20/12/2003 và Trương Huỳnh Đức T, sinh ngày 06/5/2005 cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Chị X vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi và sự phát triển cơ thể của con. Hơn nữa nguyện vọng của con là muốn được sống cùng với chị X. Do đó, Hội đồng xét xử giao cả hai người con tên Trương Thị Huỳnh D, sinh ngày 20/12/2003 và Trương Huỳnh Đức T, sinh ngày 06/5/2005 cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị X và anh M không đặt ra yêu cầu, nên nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Ngọc X và anh Trương Thanh M là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con tên Trương Thị Huỳnh D, sinh ngày 20/12/2003 và Trương Huỳnh Đức T, sinh ngày 06/5/2005 cho chị Trần Ngọc X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trương Thanh M.

Anh Trương Thanh M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Trần Ngọc X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008236 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Trần Ngọc X và anh Trương Thanh M biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
đã ký**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Lưu Hải Đăng**